



anh T vào miền nam để cai nghiện nhưng khi về anh T lại tiếp tục sử dụng ma túy do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ngày 24/7/2018 chị và anh T làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, nhưng chưa gửi, kể từ đó đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai, đến ngày 18/02/2021 chị và anh T tiếp tục làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng do bận công việc nên chưa gửi đơn đến Tòa án, đến khi gửi đơn đến Tòa án chị đã thông báo cho anh T được biết về để giải quyết nhưng anh Thắng không về. Nay chị O xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng để hàn gắn đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện H xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

*Về con:* Chị và anh Lê Văn T có một con chung là Lê Thị Ánh T, sinh ngày 01/7/2016 từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con. Nguyên vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ:* Chị và anh T không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Lê Văn T nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nhưng anh T không đến. Gia đình anh T đã nhận được giấy triệu tập và báo cho anh Thắng đến ngày 19/7/2022 đến Tòa án làm việc. Ngày 19/7/2022 anh T về gia đình nhưng lại không đến Tòa án làm việc.

Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân anh Thắng là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ anh T). Theo bà Nguyễn Thị Tâm cho biết anh Thắng và chị O đến với nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu. Năm 2016 chị O có thai nên hai bên gia đình tổ chức lễ cưới khi đó do chưa đủ tuổi nên năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, năm 2018 anh Thắng và chị O vào miền nam làm ăn để con ở nhà cho ông bà nội ngoại chăm sóc, sau khi vào miền nam được một thời gian thì có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2020 chị O về nhưng lại về nhà ngoại ở, khi đó chị O có nói là do không sống được với nhau nên đã làm đơn ly hôn và xin phép đưa con về nhà ông bà ngoại ở cho đến nay.

*Về con:* Chị O và anh T có một con chung hiện nay đang ở với chị O, gia đình bà cũng đồng ý để chị O nuôi cháu. Nay chị Oanh và anh T không ở được với nhau nữa thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T bà đã nhận và gọi điện thông báo cho anh T được biết đến ngày 19/7/2022 đến Tòa án làm việc, anh T về nhưng anh T không đến vì anh T cho rằng đã ký vào đơn thuận tình ly hôn nên không đến và ngày 20/7/2022 anh Thắng đi luôn không cho gia đình biết địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án.

Biên bản xác minh và biên bản tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của vợ chồng trong vụ án hôn nhân gia đình ngày 20/7/2022 tại thôn T, công an và UBND xã T:

Chị O, anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, hiện tại anh T đang có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, do đã đi làm ăn

xa. Ngày 19/7/2022 anh T về nhà đến ngày 20/7/2022 lại đi luôn, việc anh T đi làm ở đâu, địa chỉ cụ thể anh T cũng không cho gia đình biết, cố tình giấu địa chỉ không thông báo đến Công an xã. Vì vậy gia đình và địa phương không cung cấp được địa chỉ của anh T cũng không rõ thời gian anh T trở về. Chị O hiện tại đã về nhà bố mẹ để sinh sống như thông tin gia đình anh T cung cấp là đúng, khi chị O làm đơn ly hôn cũng không đề nghị chính quyền địa phương hòa giải. Do đó Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho người thân và niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 24/7/2018 và ngày 18/02/2021 chị O và anh T đã có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chị O gửi đơn ly hôn đã thông báo cho anh T được biết nhưng anh cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị O, chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con: Giao cháu Lê Thị Ánh T cho chị Lê Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuyệt đủ tuổi thành niên, anh Thắng có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị O chưa yêu cầu anh Thắng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Chị O, anh T không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị O khởi kiện ly hôn anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Thành Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Thành Lộc, huyện H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/01/2017, như vậy hôn nhân giữa chị O và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị O và anh T: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn nên dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh Thắng không từ bỏ ma túy để chăm lo cho gia đình, do đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2018 chị về nhà bố mẹ để ở cho đến nay, hai bên không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án anh T không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của anh T như thế nào, như vậy cũng có thể xác định anh T cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án. Nay chị O có nguyện vọng ly hôn. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ngày 24/7/2018 và ngày 18/02/2021 chị O và anh T đã ký vào đơn thuận tình ly hôn, nhưng khi Tòa án báo làm việc anh T không đến nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị O và anh T có một con chung là Lê Thị Ánh T, sinh ngày 01/7/2016 hiện nay đang ở với chị O, nguyện vọng của chị O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Do cháu Tuyết còn nhỏ lâu nay đang được sự chăm sóc của chị O nên giao cháu T cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị O chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

[4] Về tài sản và công nợ: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã triệu tập anh Lê Văn T nhiều lần đến Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh Thắng, người thân đã cam đoan giao các văn bản của Tòa án cho anh T nhưng anh cố tình không đến Tòa án để

làm việc, chị O có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải.

Ngày 05/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đã đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa có mặt chị Lê Thị O, nhưng anh Lê Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và thông báo đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai vào ngày 20/9/2022. Quyết định hoãn phiên tòa đã được niêm yết công khai tại thôn T, UBND xã T, trụ sở TAND huyện và tổng đạt hợp lệ cho người thân là bà Nguyễn Thị T (mẹ đẻ) anh được biết, bà Tâm cam đoan giao trực tiếp cho anh T. Tại phiên tòa anh T vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị O phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* **Xử:** Vắng mặt anh Lê Văn T.

\* Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị O.

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn T.

*Về con:* Giao cháu Lê Thị Ánh T cho chị Lê Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Lê Văn T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Lê Thị O chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản và công nợ:* Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

*Về án phí:* Chị Lê Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị O đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009051 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Chị O đã nộp đủ.

*Về quyền kháng cáo:* Chị Lê Thị O được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hậu Lộc
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Cao Thị Nga**